TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2023
"Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Ngà;

2. Bà Vũ Thị Toan.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1974 - Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đặng Xá, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1976 - Vắng mặt.

HKTT: Thôn TL, xã TL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Nơi tạm trú: Nhà trọ LêHN, số 7, khu phốTM, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1947 - Vắng mặt.

Trú tại: Thôn ĐX, xã CC Huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị Q quen biết nhau là do người quen của bố mẹ giới thiệu, sắp đặt. Anh chị có thời gian tìm hiểu được khoảng nửa tháng thì đồng ý kết hôn. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/9/1997 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn anh chị ở cùng với bố mẹ đẻ anh T, chị Q đã chuyển khẩu về cùng gia đình anh Quyết tại thôn ĐX, xã CC, huyện TL. Anh chị ở cùng với bố mẹ được khoảng hai tháng thì vợ chồng đi làm kinh tế ở Cao Bằng. Vợ chồng chung sống, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp, kinh tế khó khăn dẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Đến đầu năm 2006 chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh T vẫn ở lại làm ăn tại Cao Bằng thêm khoảng mấy tháng thì cũng về quê ở với bố mẹ. Khi về anh T có đến nhà chị Q nói chuyện với chị Q và mẹ chị Q và được gia đình hai bên khuyên giải động viên nên chị Q có quay về vợ chồng đoàn tụ chung sống được khoảng mấy tháng thì vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân vẫn là do quan điểm sống không hòa hợp, kinh tế khó khăn. Đến đầu năm 2007, chị Q đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Khi chị Q bỏ về ở cùng mẹ đẻ thì chị Q đã chuyển khẩu về nhà mẹ đẻ chị Q, sau đó vài năm thì chị Q bỏ vào Miền Nam làm ăn. Anh T và chị Q sống ly thân với nhau từ đầu năm 2007 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không gặp nhau, không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập, không phụ thuộc đến nhau. Nay anh T xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị Q để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang Th, sinh năm 1999. Cháu đã trưởng thành và có công việc ổn định nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2023, bị đơn chị Hoàng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo giấy đăng ký kết hôn vào sổ số 14 ngày 01/9/1997. Chị Q thống nhất với toàn bộ trình bầy của anh T về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng có 01 con chung tên Trần Quang Thịnh, sinh ngày 07/02/1999. Quá trình chung sống không được hạnh phuc do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau khi anh T uống rượu, không quan tâm đến vợ con. Đến năm 2006 do tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Q về sinh sống cùng với mẹ ruột tại thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Thời gian đầu gia đình hai bên đã khuyên nhủ, hòa giải để gia đình đoàn tụ, anh T có đến xin lỗi nên chị Q có

quay về nhà anh T sinh sống nhưng chỉ được vài tháng thì chị Q quay về nhà mẹ đẻ ruột sinh sống vì anh T không có thay đổi như đã hứa. Từ cuối năm 2006, đầu năm 2007, vợ chồng ly thân, không sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống, chị Q phải một mình nuôi cháu Thịnh khôn lớn. Năm 2013 mẹ chị Q mất nên chị Q và cháu Thịnh chuyển vào sinh sống và làm việc tại Bà Rịa - Vũng Tàu, đến cuối năm 2021 thì chị Q về Bình Dương sinh sống và làm công nhân tại đây. Từ năm 2013 đến nay thỉnh thoảng anh T có gọi điện thoại cho chị Q hỏi thăm tình hình nhưng không trực tiếp vào thăm, tìm chị Q và cháu Thịnh. Chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, bản thân chị Q không chung sống với anh T đến nay đã gần 17 năm, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên chị Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ cho chị Q được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang Th, sinh ngày 07/02/1999. Cháu đã trưởng thành nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị Q không có tài sản chung nên không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết, tòa án không tiến hành hòa giải được do chị Q có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Phiên tòa ngày 17/4/2023, nguyên đơn anh Trần Văn T và bị đơn chị Hoàng Thị Q đều có đơn xin vắng mặt

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị Q.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang Thịnh, sinh ngày 07/02/1999. Anh T và chị Q không đề nghị do cháu đã trưởng thành và có nghề nghiệp ổn định nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Không có, không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Trần Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị Q có hộ khẩu thường trú: Thôn Thụy Lôi, xã, xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Nơi tạm trú: Nhà trọ Lê Hữu Nhơn, số 7, khu phố Tân Mỹ, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Mặc dù chị Q không sinh sống tại nơi đăng ký HKTT nhưng chị Q đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ giải quyết việc ly hôn của vợ chồng chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ.

Phiên tòa ngày 17/4/2023 nguyên đơn anh Trần Văn T và bị đơn chị Hoàng Thị Q đều vắng mặt và đều có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Q.

[2]*Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn T và chị Hoàng Thị Q kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/9/1997 theo giấy chứng nhận kết hôn số 14. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T: Mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị Q được bà Phạm Thị Đức - mẹ đẻ anh T cung cấp: Sau khi kết hôn vợ chồng anh T sống chung cùng gia đình bà Đức được vài tháng thì đưa nhau đi làm ăn ở Cao Bằng và ở lại đó. Bà Đức được biết trong thòi gia vợ chồng anh T ở Cao Bằng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Q chơi đánh lô đề, quan hệ bạn bè nam nữ rộng không quan tâm đến chồng con, anh T khuyên bảo nhiều nhưng chị Q không sửa chữa. Anh chị chung sống với nhau ở Cao Bằng thời gian ngắn thì chị Q đưa con về quê ở cùng mẹ đẻ. Chị Q ở cùng mẹ đẻ được khoảng 2 hoặc 3 năm thì để con lại cho mẹ đẻ nuôi hộ và bỏ đi làm ăn ở nơi khác không về nữa. Sau khi chị Q bỏ đi làm ăn xa thì anh T không ở Cao Bằng nữa mà về ở cùng gia đình bà Đức, làm ăn tại địa phương. Đối với cháu Thịnh, khi ở bên bà ngoại, khi thì sang ở cùng gia đình bà Đức. Do đua đòi bạn bè, cháu học hết lớp 9 thì bỏ học, cháu ở cùng bà ngoại thì tự kiếm tiền nuôi bảm thân. Trong thời gian anh chị sống ly thân, chị Q không liên lạc gì với anh T và gia đình bà Đức (BL số 37).

Qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Sau khi kết hôn chị Q có chuyển khẩu về gia đình anh T tại thôn Đặng Xá, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng anh T sinh sống cùng bố mẹ anh T được khoảng 02 tháng thì đưa nhau đi làm kinh tế ở Cao Bằng, các ngày lễ, tết, có công việc vợ chồng có về quê. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như thế nào thì địa phương không nắm được do vợ chồng không đề nghị địa phương giải quyết. Chị Q chuyển khẩu về gia đình anh T được một thời gian lại chuyển khẩu về cùng mẹ đẻ tại thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ. Anh T hiện tại đang ở cùng với mẹ đẻ là bà Phạm Thị Đức (BL số 43).

Từ những căn cứ trên xác định vợ chồng anh T, chị Q chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, khi anh chị sống tại Cao Bằng. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp, kinh tế khó khăn dẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Đầu năm 2006 chị Q về sống cùng mẹ đẻ tại thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lôi. Sau đó vài tháng anh T về ở cùng với bố mẹ đẻ. Được gia đình hai bên khuyên nhủ nên chị Q đã quay về chung sống cùng anh T. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra, tình cảm vợ chồng không được cải thiện nên chị Q lại quay về nhà mẹ đẻ ruột sinh sống vì anh T không có thay đổi như đã hứa. Sau đó vài năm chị Q đi vào Miền Nam sinh sống. Từ cuối năm 2006, đầu năm 2007 đến nay vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập và không có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh T xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị Q để sớm ổn định cuộc sống. Bản thân chị Q xác định vợ chồng sống ly thân đã gần 17 năm, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên chị Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ cho chị Q được ly hôn anh Trần Văn T.

Như vậy xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị Q đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do vậy việc anh T xin ly hôn chị Q là có căn cứ chấp nhận.

[3]*Về con chung*: Anh T và chị Q đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang Thịnh, sinh ngày 07/02/1999 và không đề nghị do cháu đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định nên không xem xét giải quyết.

[4]*Về tài sản chung, công sức, nợ chung*: Anh T và chị Q đều xác định không có và không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Anh Trần Văn T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị Q.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang Th, sinh ngày 07/02/1999. Anh T và chị Q không đề nghị do cháu đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004634 ngày 28/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn anh T và bị đơn chị Q. Báo cho anh T, chị Q biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKS huyện TL;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện TL:
- UBND xã CC (Đăng ký số 14/1997 ngày 01/9/1997).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Toan **Lương Văn Kế** **Nguyễn Thị Lý**